

QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD

Số/No. 66/2026/TBNV-SSIAM-NVQ

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited
- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
- Tên quỹ ETF/ETF name: QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD
- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUESSVFL
- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 24/04/2026
- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
1	ACB	6,100	4.84%
2	BID	200	0.28%
3	CTG	1,900	2.28%
4	EIB	2,200	1.66%
5	HCM	800	0.72%
6	HDB	8,900	8.00%
7	LPB	1,400	2.20%
8	MBB	11,900	10.61%
9	MSB	2,000	0.85%
10	NAB	200	0.09%
11	OCB	200	0.08%
12	SHB	17,900	8.95%
13	SSB	400	0.23%
14	SSI	7,700	7.27%
15	STB	4,200	9.28%
16	TCB	12,200	13.72%
17	TPB	2,000	1.10%
18	VCB	1,200	2.55%
19	VCI	1,300	1.19%
20	VIB	2,000	1.16%
21	VIX	9,800	5.58%
22	VND	2,300	1.26%
23	VPB	15,900	14.71%



6

I	Chứng khoán/Stock	2,919,685,000	98.62%
II	Tiền/Cash(VND)	40,976,735	1.38%
III	Tổng/Total (=I+II)	2,960,661,735	100%

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	2,919,685,000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND)	2,960,661,735
+ Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	40,976,735

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
1	HCM	26,800	HSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
2	SSI	27,950	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
3	VCI	27,150	VIETCAP	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
4	BID	41,600	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Article 28.4 a Circular 121/2020/TT-BTC
5	TCB	33,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (*) 24/04/2026	Kỳ trước/Last Period(**) 23/04/2026	Chênh lệch/ Difference
1.Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0.00	0.00	0.00
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0.00	0.00	0.00
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	18,800,000.00	18,800,000.00	0.00
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	29,650.00	29,640.00	10.00
5.Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date	0.00	0.00	0.00
của quỹ ETF/ of the Fund	556,604,406,321.00	558,321,453,080.00	-1,717,046,759.00
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	2,960,661,735.00	2,969,794,963.00	-9,133,228.00
của 1 CCQ/ per Share	29,606.61	29,697.94	-91.33
6.Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	2,903.77	2,907.23	-3.46

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 23/04/2026/ Indicator No. 5 uses the net asset value 23/04/2026.

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 22/04/2026/ Indicator No. 5 uses the net asset value 22/04/2026.

Đại diện tổ chức
Organization representative



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thùy Linh